

BỘ TÀI CHÍNH
Số: 40/TC-TCT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 1995

THÔNG TƯ

CỦA BỘ TÀI CHÍNH SỐ: 40/TC-TCT NGÀY 25 THÁNG 5 NĂM 1995

HƯỚNG DẪN BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỂM TRONG

THÔNG TƯ SỐ 73A/TC-TCT NGÀY 30/8/1993 CỦA BỘ TÀI CHÍNH

HƯỚNG DẪN VỀ THUẾ DOANH THU

Để thực hiện đúng Luật thuế doanh thu và kịp thời giải quyết các vấn đề vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Luật thuế doanh thu;

Căn cứ vào Luật thuế doanh thu, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế doanh thu và Nghị định số 55/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế doanh thu; Bộ Tài chính hướng dẫn bổ sung, sửa đổi một số điểm trong Thông tư số 73A/TC-TCT ngày 30/8/1993 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 55/CP của Chính phủ về thuế doanh thu như sau:

I- Về phạm vi áp dụng thuế doanh thu

1. Hướng dẫn cụ thể thêm các trường hợp sản xuất, gia công hàng xuất khẩu không phải nộp thuế doanh thu như sau:

- Hàng hoá do đơn vị tự sản xuất và trực tiếp gia công cho nước ngoài theo Hợp đồng ký kết với bên nước ngoài, kể cả trường hợp đưa hàng hoá do cơ sở sản xuất ra nước ngoài để tham gia hội chợ triển lãm và đã bán hàng hoá đó tại nước ngoài.
- Hàng hoá do đơn vị tự sản xuất và bán cho các cửa hàng bán miễn thuế mà mặt hàng đó thuộc mặt hàng bán cho các đối tượng miễn thuế theo quy định của Chính phủ.
- Hàng hoá do đơn vị sản xuất bán gia công cho các đối tượng thuộc khu chế xuất (trừ các mặt hàng cung ứng phục vụ tiêu dùng, sinh hoạt như lương thực, thực phẩm v.v.. theo quy định tại Nghị định số 322/HĐBT ngày 18 tháng 10 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) quy định về hoạt động khu chế xuất).

d. Hàng hoá do đơn vị trực tiếp sản xuất gia công xuất khẩu nhưng không trực tiếp ký hợp đồng với nước ngoài mà thực hiện hợp đồng bán hàng xuất khẩu hoặc đơn vị đại diện ký hợp đồng với nước ngoài, hoặc uỷ thác xuất khẩu qua một công ty kinh doanh xuất nhập khẩu.

Thí dụ một: Tổng công ty kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc trực tiếp ký hợp đồng mua hàng may mặc của cơ sở sản xuất để xuất khẩu thì cơ sở sản xuất không phải nộp thuế doanh thu sản xuất hàng đã bán cho Tổng công ty kinh doanh xuất nhập khẩu hàng may mặc. Tổng công ty kinh doanh khi xuất khẩu hàng hoá mua của cơ sở sản xuất, phải nộp thuế doanh thu theo thuế suất kinh doanh xuất khẩu.

Thí dụ hai: Tổng công ty kinh doanh xuất nhập khẩu ký hợp đồng gia công hàng may mặc cho nước ngoài, sau đó Tổng công ty ký hợp đồng giao cho các xí nghiệp khác gia công thì các xí nghiệp làm gia công này thuộc đối tượng không phải nộp thuế doanh thu hàng gia công xuất khẩu, Tổng công ty phải nộp thuế doanh thu theo thuế suất 12% trên tiền hoa hồng hoặc phần doanh thu Tổng công ty được hưởng.

Trường hợp cơ sở A được xác định là cơ sở trực tiếp gia công hàng xuất khẩu, nhưng cơ sở này ký hợp đồng giao lại cho cơ sở B gia công toàn bộ hay một số sản phẩm hoàn chỉnh dưới hình thức giao nguyên liệu nhận lại thuế doanh thu hàng gia công xuất khẩu nhận lại từ cơ sở A. Cơ sở A phải nộp thuế doanh thu đối với hàng giao lại cho cơ sở B gia công theo thuế suất 12% tính trên chênh lệch giá gia công đã nhận với giá giao lại cho cơ sở B.

Các trường hợp sản xuất, gia công hàng xuất khẩu không phải nộp thuế doanh thu phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Đối với các trường hợp nêu tại điểm a, b, c phải có:

+ Hợp đồng sản xuất, gia công hoặc bán hàng do cơ sở ký với nước ngoài hoặc các đối tượng được coi như xuất khẩu.

+ Hoá đơn bán hàng, xuất trả hàng gia công phù hợp hợp đồng kinh tế nói trên.

+ Tờ khai hàng xuất khẩu đã có thanh khoản, xác nhận của Hải quan.

- Đối với trường hợp nêu tại điểm d phải có:

+ Hợp đồng kinh tế giữa cơ sở sản xuất, cơ sở gia công với tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu hay tổ chức đại diện ký hợp đồng với nước ngoài; nội dung hợp đồng phải ghi rõ số

lượng mặt hàng sản xuất bán hoặc gia công xuất khẩu phù hợp với mặt hàng ghi trong giấy phép của tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu và hợp đồng của tổ chức này với nước ngoài.

+ Hoá đơn bán hàng, xuất trả hàng gia công phù hợp với hợp đồng kinh tế nói trên.

+ Bản thanh quyết toán hợp đồng bán hàng xuất khẩu, trả hàng gia công làm cơ sở quyết toán thuế.

Ngoài các trường hợp trực tiếp sản xuất, gia công hàng xuất khẩu không phải nộp thuế doanh thu quy định tại điểm 1 trên đây, mọi trường hợp khác đều phải nộp thuế doanh thu, kể cả một số trường hợp cụ thể dưới đây:

- Sản xuất nguyên liệu, bao bì, tem nhãn, linh kiện, phụ tùng, bán thành phẩm v.v.. bán cho cơ sở sản xuất, gia công kinh doanh hàng xuất khẩu để sản xuất, đóng gói hàng xuất khẩu.

- Thực hiện nhận lại hợp đồng sản xuất, gia công một số công đoạn sản xuất sản phẩm của đơn vị sản xuất, gia công hàng xuất khẩu thuộc đối tượng không phải nộp thuế doanh thu nói trên.

- Cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu thu mua hàng xuất khẩu nếu có các hoạt động sơ chế, phân loại, đóng gói hàng hoá đã thu mua để xuất khẩu thì các hoạt động nói trên của cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu không được coi là hoạt động sản xuất, gia công hàng xuất khẩu. Cơ sở kinh doanh xuất nhập khẩu phải nộp thuế doanh thu theo hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu.

2. Hướng dẫn cụ thể thêm đối với một số trường hợp tạm thời chưa thu thuế doanh thu sau đây:

a/ Các hoạt động in và xuất bản quy định tạm thời chưa thu thuế doanh thu quy định tại Điều 13 Nghị định số 55/CP ngày 28/8/1993 của Chính phủ và quy định thuế suất bằng 0% (tại điểm 22 - Mục I - Biểu thuế doanh thu) chỉ áp dụng đối với hoạt động in và xuất bản. Hoạt động kinh doanh bán các sản phẩm này kể cả phát hành phải nộp thuế doanh thu theo hoạt động kinh doanh thương nghiệp.

b/ Các hoạt động: "Sửa chữa duy tu, bảo dưỡng đường bộ, đường sắt, đường thuỷ, cầu cống, đê đập... bằng nguồn vốn sự nghiệp do Ngân sách Nhà nước cấp hoặc tiền đóng góp của dân" tạm thời chưa thu thuế doanh thu.

Việc xác định cụ thể phải căn cứ vào các điều kiện:

- Là hoạt động sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng các công trình theo danh mục quy định, được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán.

- Thuộc nguồn vốn sự nghiệp do Ngân sách Nhà nước cấp hoặc tiền đóng góp của dân...

Cơ quan quản lý vốn sự nghiệp khi xây dựng đơn giá dự toán không được tính kết cấu thuế doanh thu đối với các công trình không thu thuế doanh thu theo quy định này.

Các đơn vị thực hiện công việc thuộc diện không phải nộp thuế doanh thu theo quy định này, nếu có doanh thu từ các hoạt động khác phải nộp thuế doanh thu.

Thí dụ: Một đơn vị nạo vét kênh mương được xác định thuộc hoạt động không phải nộp thuế doanh thu, chỉ không thu thuế doanh thu đối với doanh thu hoạt động nạo vét, nhưng nếu có doanh thu từ bán đất, cát nạo vét thì đơn vị phải nộp thuế doanh thu bán đất, cát theo thuế suất của hoạt động khai thác tính trên doanh thu bán đất, cát.

c. Không thu thuế doanh thu đối với bán tài sản cố định là máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, nhà xưởng đã được mua sắm hoặc xây dựng trên một năm và theo đúng trình tự thủ tục quy định về đầu tư, được hạch toán theo dõi về hiện vật, giá trị, nguồn vốn theo đúng chế độ kế toán hiện hành đối với tài sản cố định.

II- Về doanh thu chịu thuế

Doanh thu chịu thuế đối với một số hoạt động được xác định như sau:

1. Đối với hoạt động xây dựng:

a. Thuế doanh thu đối với hoạt động xây dựng có bao thầu và bao thầu nguyên vật liệu.

Khái niệm nguyên vật liệu bao thầu trong xây dựng được hiểu là các loại nguyên vật liệu cấu thành trong sản phẩm xây dựng, do bên xây dựng chịu trách nhiệm cung ứng để xây dựng công trình (không bao gồm giá trị máy móc, thiết bị toàn bộ nếu có). Các vật tư, nguyên liệu dùng cho các máy móc thiết bị thi công xây dựng không coi là vật tư bao thầu.

Việc xác định doanh thu xây dựng có bao thầu hay không bao thầu vật tư nguyên liệu phải căn cứ vào hợp đồng xây dựng và thực tế quyết toán hợp đồng.

Các trường hợp xây dựng có bao thầu các loại vật tư chủ yếu mà tổng giá trị vật tư bao thầu chiếm trên 50% tổng giá trị vật tư xây dựng công trình được coi là xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu, áp dụng thuế suất doanh thu 3%. Nếu giá trị vật tư bao thầu nhỏ hơn 50% tổng giá trị vật tư xây dựng công trình thì áp dụng thuế suất theo từng hoạt động như sau:

+ Phần doanh thu xây dựng (trừ giá trị vật tư) áp dụng thuế suất hoạt động xây dựng không bao thầu vật tư là 5% phần giá trị vật tư đưa vào xây dựng công trình nếu có bên xây dựng cùng cấp (kể cả dưới hình thức mua hộ) cho chủ công trình tính thuế theo hoạt động cung cấp vật tư; trường hợp không đủ căn cứ xác định được doanh thu chi tiết như nêu trên thì áp dụng thuế suất 5% trên tổng doanh thu xây dựng.

b/ Thuế doanh thu đối với trường hợp nhiều đơn vị tham gia xây dựng một công trình:

Để hạn chế việc thu thuế doanh thu trùng lặp đối với một công trình xây dựng, về nguyên tắc chỉ tính và thu một lần trên tổng doanh thu xây dựng, doanh thu phát sinh ở đâu phải kê khai nộp thuế doanh thu ở đó.

Trường hợp nhiều tổ chức, cá nhân cùng tham gia xây dựng một công trình dưới hình thức có một hoặc một số nhà thầu trực tiếp ký hợp đồng nhận thầu với chủ công trình (gọi là thầu chính) sau đó các nhà thầu chính ký tiếp hợp đồng giao thầu cho các nhà thầu khác (gọi là nhà thầu phụ) thì các nhà thầu chính phải kê khai và nộp thuế doanh thu hoạt động xây dựng với cơ quan thuế địa phương nơi xây dựng công trình. Doanh thu chịu thuế là tổng giá trị công trình hay hạng mục công trình nhà thầu chính nhận thầu (bao gồm cả phần giá trị công trình đã giao cho các nhà thầu phụ), các nhà thầu phụ không phải nộp thuế doanh thu xây dựng các công trình nhà thầu chính đã nộp thuế doanh thu.

Trường hợp các nhà thầu chính nhận thầu xây dựng các công trình có các hạng mục công trình xây dựng ở các địa phương (tỉnh, thành phố) khác nhau thì các nhà thầu chính hay các nhà thầu phụ trực tiếp nhận thầu xây dựng phải kê khai nộp thuế doanh thu tại các Cục thuế địa phương nơi thi công xây dựng hạng mục công trình. Doanh thu chịu thuế được xác định theo giá trị hạng mục công trình hay phần công việc phát sinh ở từng địa phương; khi quyết toán thuế doanh thu xây dựng công trình, nhà thầu chính được khấu trừ thuế doanh thu đã nộp ở các địa phương cho các hạng mục công trình hay phần công việc, nhà thầu chính phải xuất trình cho cơ quan thuế quản lý đơn vị các chứng từ và xác nhận của cơ quan thuế địa phương đã thu thuế.

Để có cơ sở xác định doanh thu và thuế phải nộp đối với các nhà thầu và các đơn vị tham gia xây dựng theo quy định trên đây, các nhà thầu phải cung cấp cho cơ quan thuế toàn bộ hợp